TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/DS-ST
Ngày 08-02-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu B

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Trung D

Bà Phạm Kim N

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng T - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2017/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị P (tên gọi khác: Út Mách).

Địa chỉ: ấp Thạnh Hòa 1, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Dương Ngọc T.

Địa chỉ: ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/10/2017 và trong đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/11/2017 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị P trình bày: ngày

05/4/2016 bà Lê Thị P có cho bà Dương Ngọc T vay 50.000.000 đồng tiền vốn, lúc cho vay có làm biên nhận, thỏa thuận thời hạn trả là 08 tháng, tính từ ngày vay, mặc dù trong biên nhận ghi là mượn, tuy nhiên do số tiền bà P cho bà T vay bà P phải vay lại từ người khác với lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, vì vậy bà P và bà T có thỏa thuận miệng bên ngoài là số tiền bà P cho bà T vay cũng bằng mức lãi suất là 5%/tháng. Tính từ lúc vay cho đến nay bà T có trả cho bà P được 20.000.000 đồng tiền lãi, riêng tiền vốn chưa trả được phần nào. Bà Bùi Thị P yêu cầu bà Dương Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà P 50.000.000 đồng tiền vốn, đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử là tròn 22 tháng, trên số tiền vốn vay theo quy định pháp luật, bà P đồng ý cấn trừ lại số tiền lãi 20.000.000 đồng đã nhận của bà T vào số tiền vốn, lãi bà T có trách nhiệm trả cho bà P.

Đối với bị đơn là bà Dương Ngọc T vắng mặt trong toàn bộ tiến trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, nên chưa có ý kiến về nội dung tranh chấp trong vụ án.

Những nội dung mà các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được: không.

Những nội dung mà các đương sự chưa thống nhất thỏa thuận được:

- Bà Bùi Thị P yêu cầu bà Dương Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà P 50.000.000 đồng tiền vốn, đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử trên số tiền vốn vay theo quy định pháp luật, bà P đồng ý cấn trừ lại số tiền lãi 20.000.000 đồng đã nhận của bà T vào số tiền vốn, lãi bà T có trách nhiệm trả cho bà P. Bà Dương Ngọc T chưa thể hiện ý kiến.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vi phạm pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền vay vốn, lãi còn nợ. Do đó đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Đối với bà Dương Ngọc T dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt

không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Dương Ngọc T.

[2] Về nội dung tranh chấp: căn cứ vào tờ biên nhận nợ lập ngày 05/4/2016 (bút lục số 16), Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc bà Dương Ngọc T có thỏa thuận vay và đã nhận của bà Bùi Thị P 50.000.000 đồng tiền vốn là có thật, do việc này đã được các đương sự lập thành văn bản và có chữ ký và chữ viết của người vay là bà Dương Ngọc T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/11/2017 của Tòa án (bút lục số 17) và tại phiên tòa bà Bùi Thị P xác định từ lúc vay cho đến nay bà T có trả cho bà P được 20.000.000 đồng tiền lãi, riêng vốn chưa trả phần nào. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy việc bà T sau khi vay có trả cho bà P được 20.000.000 đồng tiền lãi là có thật. Đối với bà Dương Ngọc T tính từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử không đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như đưa ra chứng cứ chứng minh việc bà T có trả cho bà P được số tiền nào ngoài số tiền lãi 20.000.000 đồng mà bà P thừa nhận hay không. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đến thời điểm hiện tại, bà Dương Ngọc T còn nợ bà Bùi Thị P 50.000.000 đồng tiền vốn vay chưa trả. Hành vi không trả số tiền vốn vay cho bà P khi đã quá hạn mà bà T đã thực hiện như nêu trên là hành vi vi phạm nghĩa vụ của bên vay đối với bên cho vay, căn cứ vào các Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự 2005, Hội đồng xét xử buộc bà Dương Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị P số tiền vốn vay còn nợ là 50.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của phía nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: thời điểm xác lập hợp đồng vay bà P thừa nhận 02 bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, đối chiếu mức lãi suất nêu trên với quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam cho thấy thỏa thuận về lãi suất của các đương sự là vi phạm pháp luật nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Về thời gian tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là tính từ ngày vay đến ngày xét xử là tròn 22 tháng, trong đó thời gian tính lãi trong hạn là 08 tháng, thời gian tính lãi quá hạn là 14 tháng là có lợi cho phía bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận tính lãi theo cách tính như sau: đối với phần lãi trong hạn, do mức lãi suất cơ bản tại thời điểm các đương sự xác lập hợp đồng vay là 9%/năm, nên mức lãi suất tối đa theo quy định mà các đương sự được thỏa thuận là 1,125%/tháng, như vậy số tiền lãi trong hạn mà bà T có trách nhiệm trả cho bà P là 4.500.000 đồng (50.000.000

đồng x 1,125% x 08 tháng = 4.500.000 đồng). Đối với phần lãi quá hạn, do mức lãi suất cơ bản tại thời điểm bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc là 9%/năm, nên số tiền lãi quá hạn bà T có trách nhiệm trả cho bà P là 5.250.000 đồng (50.000.000 đồng x 0,75% x 14 tháng = 5.250.000 đồng). Như vậy, tổng cộng số tiền lãi theo pháp luật bà T có trách nhiệm trả cho P là 9.750.000 đồng. Do trước đó bà T đã trả cho bà P được 20.000.000 đồng tiền lãi, nên số tiền này được cấn trừ vào số tiền lãi và số tiền vốn bà T có trách nhiệm trả cho bà P. Từ những phân tích, đánh giá như nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Dương Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị P số tiền vốn vay còn nợ là 39.750.000 đồng (59.750.000 đồng – 20.000.000 đồng = 39.750.000 đồng).

[4] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Dương Ngọc T chịu án phí có giá ngạch với mức 5% trên số tiền bị buộc trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị P. Buộc bà Dương Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị P số tiền vốn vay còn nợ là 39.750.000 (ba mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

2. Về án phí:

- Bà Dương Ngọc T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.987.500 (một triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

- Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị P 1.550.000 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012534 ngày 26/10/2017 và biên lai thu tiền số 0012610 ngày 15/11/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Kim Trung D – Phạm Kim N **Nguyễn Hữu B**